TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Năm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số X khu phố 3NT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số X khu phố 3NT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố 3NT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông N1, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà với ông Nguyễn Hoàng N1 tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 11/01/2010. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 11/7/2008, con đang sống chung với ông N1. Khi ly hôn bà đồng ý để ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng con. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 363.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2023: Đúng như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N. Vợ chồng sống chung không mang lại hạnh phúc cho nhau nên ông đồng ý thuận tình ly hôn nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản.

Về nuôi con chung: Ông N1, bà N có một con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 11/7/2008, con đang sống chung với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Có nợ chung nhưng để các bên tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Ông N1, bà N có nợ bà số tiền 363.000.000 đồng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết mà các bên tự thỏa thuận với nhau.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Bích N nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N1. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hoàng N1, bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Căn cứ lời trình bày của bà N và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N với ông Nguyễn Hoàng N1 tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 ngày 11/01/2010. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông N1 không đến Tòa

án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Hoàng N1 với bà Nguyễn Thị Bích N có một con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 11/7/2008. Con đang sống chung với ông N1. Khi ly hôn bà N đồng ý giao con cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N và ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông N1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Hoàng N1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N1.

2. Về con chung Ông Nguyễn Hoàng N1 được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc D, sinh ngày 11/7/2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà N và ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002991, ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hoàng N1 không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn TT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tơ